

QUYẾT ĐỊNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

● VŨ TRỌNG NGHĨA

TÓM TẮT:

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm muốn tìm hiểu và đánh giá những tác động chính tới quyết định tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên. Nghiên cứu đã tổng hợp cơ sở lý thuyết, cũng như các nghiên cứu thực tiễn về vấn đề lựa chọn tham gia hoạt động NCKH của sinh viên, đồng thời thực hiện nghiên cứu cụ thể đối với sinh viên Trường Đại học Thương mại. Kết quả cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng tới quyết định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, bao gồm: năng lực của sinh viên, động cơ, vai trò của giảng viên, tác động của môi trường và lợi ích mang lại từ hoạt động NCKH.

Kết quả của nghiên cứu là căn cứ đánh giá hiện trạng, cũng như đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của sinh viên diễn ra thực chất và đạt hiệu quả hơn nữa.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học, quyết định lựa chọn, sinh viên, Trường Đại học Thương mại.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong những năm gần đây được triển khai rộng khắp tại các trường đại học trong toàn quốc và Trường Đại học Thương mại cũng nằm trong xu hướng này. Điều đó góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập, cũng như trang bị các kỹ năng chuyên sâu cho sinh viên.

Sự gia tăng qua hàng năm của tỷ lệ tham gia NCKH sinh viên là một tín hiệu tốt, từ đó cũng đặt ra những câu hỏi về lý do nào thúc đẩy quyết định này. Những nhân tố ảnh hưởng đó có giúp đưa ra những đánh giá về thực trạng cũng như những tồn

tại cần cải thiện khi sinh viên tham gia hoạt động NCKH không.

Việc nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn tham gia NCKH của sinh viên Trường Đại học Thương mại nói riêng và sinh viên đại học nói chung sẽ mang lại những thông tin có giá trị cả về lý luận, lẫn thực tiễn. Bằng cách hiểu rõ hơn về những gì thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, nghiên cứu này là cơ sở đề xuất các giải pháp, đưa ra chương trình hỗ trợ nhằm thúc đẩy hơn nữa sự tham gia, cũng như tham gia có hiệu quả hoạt động này của sinh viên trong điều kiện hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu về quyết định lựa chọn

2.1. Lý thuyết hành vi hoạch định (TPB - Theory of Planned Behavior)

Trong các nghiên cứu về việc ra quyết định, lý thuyết hành vi hoạch định của Ajzen (1991) được sử dụng một cách rộng rãi và đã chứng minh được sự phù hợp trong nhiều tình huống. Lý thuyết này được phát triển dựa trên lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) được phát triển bởi Fishbein và Ajzen (1975) dựa trên giả định rằng một hành vi có thể được dự báo hoặc giải thích bởi các ý định (động cơ) để thực hiện hành vi đó (Ajzen, 1991). Vì vậy, áp dụng lý thuyết TPB có thể giải thích các tác động tới quyết định tham gia hoạt động NCKH của sinh viên.

Lý thuyết TPB cho thấy, ý định dẫn đến hành vi của con người được dự báo bởi các yếu tố: nhận thức đối với hành vi, chuẩn chủ quan và cảm nhận về kiểm soát hành vi. Điều này đã được kiểm tra trong các nghiên cứu thực tiễn. Cụ thể yếu tố chuẩn chủ quan gồm các yếu tố ngoài tầm kiểm soát của chủ thể trong hoạt động nghiên cứu như các chính sách khuyến khích, yếu tố kinh phí (Jacob & Lefgren, 2011). Bên cạnh đó là các yếu tố về kiểm soát hành vi trong gồm các yếu tố cá nhân dùng để đánh giá khả năng thành công của mình, như: năng lực cá nhân (Azad & Seyyed, 2007), điều kiện và môi trường nghiên cứu (Chen và cộng sự, 2006).

Như vậy, khả năng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi các nhóm nhân tố: động cơ về việc thực hiện nghiên cứu khoa học, chuẩn chủ quan của việc thực hiện nghiên cứu khoa học (chế độ chính sách và kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học), cảm nhận về kiểm soát hành vi trong nghiên cứu khoa học (năng lực sinh viên, môi trường nghiên cứu).

2.2. Thuyết tự quyết định (Self-Determination Theory)

Để giải thích cho căn cứ thúc đẩy một hoạt động thực tiễn nào đó các nhà nghiên cứu đã đưa ra các lý thuyết về động lực. Cụ thể theo thuyết về tính tự

quyết của Deci và Ryan (1985), động cơ hành động của con người được phân loại thành động cơ bên ngoài, động cơ bên trong và không động cơ. Trong đó, động cơ bên ngoài và động cơ bên trong là những loại động cơ mang tính quyết định. Lý thuyết động cơ này đã được sử dụng bởi nhiều học giả thông qua các nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật phân tích định lượng nhằm lý giải cho các hành vi đa dạng của con người.

Việc áp dụng lý thuyết này giúp giải thích động lực tham gia NCKH của sinh viên, theo đó động cơ bên ngoài (extrinsic motivation) là động cơ thúc đẩy sinh viên tiến hành các hoạt động mà những hoạt động đó sẽ mang lại kết quả cho sinh viên như thành tích, được khen thưởng,... Ngược lại, động cơ bên trong (intrinsic motivation) là động cơ thúc đẩy sinh viên thực hiện các hoạt động từ sự yêu thích. Từ đó cho thấy động cơ bên trong và động cơ bên ngoài không loại trừ lẫn nhau, mà chúng tương hỗ lẫn nhau. Nghiên cứu của Vansteenkiste và cộng sự (2005) đưa tới kết quả là những người có động cơ tự quyết thường có phương pháp hành động hiệu quả và kết quả tốt đẹp.

3. Tổng quan nghiên cứu

Bên cạnh thực hiện phân tích định tính (Chu và cộng sự, 2022) và sử dụng các phân tích thống kê cơ bản (Huyền & Phương, 2023), phần lớn các nghiên cứu đều thực hiện nghiên cứu thông qua nghiên cứu định lượng. Trong đó, lý thuyết hành động hợp lý (TRA), lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) và thuyết tự quyết định (SDT) thường được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng các mô hình nghiên cứu. Thông qua các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy được sự phù hợp của các lý thuyết trên trong việc giải thích các yếu tố tác động tới quyết định thực hiện NCKH của sinh viên.

Các nghiên cứu đã cho thấy có nhiều các yếu tố tác động tới quyết định thực hiện hoạt động NCKH của sinh viên, như: năng lực của sinh viên (Nhi và cộng sự, 2023); thái độ đối với hoạt động nghiên cứu (Đại và cộng sự, 2023); vai trò của giảng viên (Thị Thanh Bình & Huong, 2021); chính sách của các nhà trường hoặc môi trường học tập (Huyền &

Phường, 2023), (Võ & Nguyễn, 2022), (Sơn & Mai, 2019) hay yếu tố về mặt tài chính (Võ & Nguyễn, 2022), (Lertputtarak, 2008),...

Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và các biến được phát triển từ lý thuyết hành vi hoạch định TPB và thuyết tự quyết định, mô hình nghiên cứu được đề xuất như gồm các yếu tố sau: (Hình 1)

4. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng, dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát với đối tượng là sinh viên Trường Đại học Thương mại. Khảo sát thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

Sau khi loại bỏ những phiếu không hợp lệ, kích thước mẫu nhận được là 229, đảm bảo điều kiện về kích thước mẫu tối thiểu cho các phân tích nhân tố khám phá và hồi quy mô hình tuyến tính.

4.2. Kiểm định thang đo

Thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo qua phân tích Cronbach’s Alpha, một số biến quan sát bị loại bỏ và kết quả kiểm định hệ số Cronbach’s Alpha như sau: (Bảng 1)

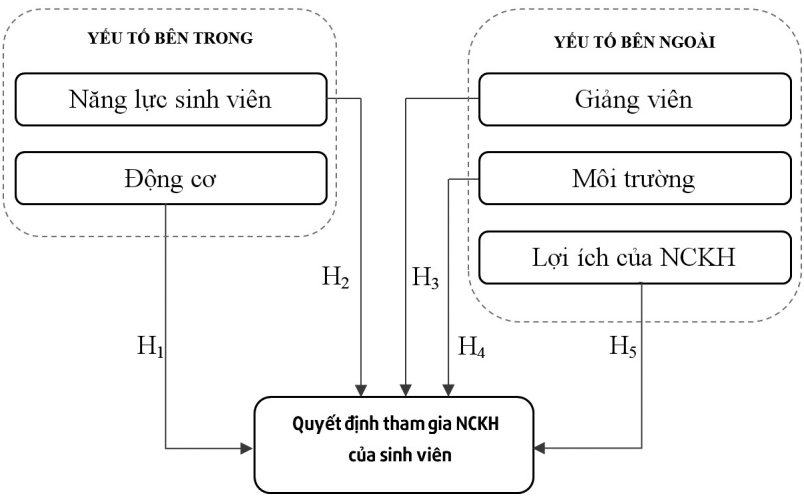
Kết quả kiểm định cho thấy, các thang đo đều có ý nghĩa và đảm bảo sự tin cậy cần thiết cho quá trình phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả kiểm định hệ số KMO và Bartlett’s chỉ ra rằng, giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau, giá trị phương sai trích và chỉ số Eigenvalues, đủ điều kiện để thực hiện phân tích EFA. Sau khi phân tích EFA, có sự biến đổi về số lượng nhân tố và kết quả có được ma trận xoay như sau: (Bảng 2)

Từ kết quả của trận xoay cho thấy các nhân tố

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach’s Alpha

Nhóm nhân tố	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach’s Alpha
Năng lực sinh viên (NL)	4	0.783
Động cơ (DC)	5	0.848
Giảng viên (GV)	4	0.864
Môi trường (MT)	3	0.693
Lợi ích của NCKH (LI)	5	0.902
Quyết định tham gia NCKH (QD)	4	0,857

Nguồn: Tác giả phân tích bằng phần mềm SPSS 26

được nhóm thành 5 nhóm điều đó thể hiện các biến quan sát thực hiện đo lường cho 5 biến tiềm ẩn, tương ứng với 5 nhân tố đề xuất trong mô hình nghiên cứu. Vì vậy, mô hình hồi quy sẽ gồm 5 biến giải thích và 1 biến phụ thuộc, tức quyết định tham gia NCKH của sinh viên chịu ảnh hưởng của 5 yếu tố, gồm: năng lực (NL), động cơ (DC), giảng viên (GV), môi trường (MT) và lợi ích (LI).

4.4. Các yếu tố tác động tới quyết định tham gia NCKH của sinh viên

Thực hiện hồi quy mô hình tuyến tính bằng phần mềm SPSS ta được kết quả các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê (sig < 0.05), đồng thời mô hình không tồn tại các khuyết tật. Hệ số R2 = 0,753 cho thấy mô hình phản ánh được 75,3% thông tin về

Bảng 2. Kết quả ma trận xoay

Rotated Component Matrix^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
LI2	.880				
LI3	.839				
LI4	.831				
LI1	.828				
LI5	.797				
DC3		.864			
DC1		.805			
DC2		.772			
DC4		.752			
DC5		.751			
NL3			.834		
NL1			.810		
NL2			.782		
NL4			.592		
GV1				.824	
GV4				.735	
GV2				.697	
GV3				.679	
MT1					.841
MT3					.626
MT2					.586
Extraction Method: Principal Component Analysis. Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization. a. Rotation converged in 6 iterations.					

Nguồn: Tác giả phân tích bằng phần mềm SPSS 26

quyết định lựa chọn của sinh viên khi tham gia hoạt động NCKH.

Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính chuẩn hóa được biểu diễn như sau:

$$QD = 0,293DC + 0,241*GV + 0,215*LI + 0,177*NL + 0,112*MT$$

Từ kết quả hồi quy tuyến tính trên cho thấy quyết định tham gia hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Thương mại chịu ảnh hưởng của 5

nhân tố, theo thứ tự tác động mạnh tới yếu: động cơ (0,293), ảnh hưởng từ giảng viên (0,241), lợi ích của NCKH (0,215), năng lực (0,177) và tác động từ môi trường (0,112).

Bên cạnh đó, các phân tích không tìm ra sự khác biệt quyết định lựa chọn tham gia NCKH giữa các giới tính của các nhóm khảo sát, nhưng có sự khác biệt giữa các năm học, sinh viên năm 2 và 3 quan tâm tới hoạt động này hơn so với các nhóm đối tượng còn lại.

5. Kết luận

Từ kết quả phân tích dữ liệu cho thấy quyết định lựa chọn tham gia hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Thương mại chịu tác động của 5 nhân tố và phù hợp với mô đề xuất. Vì vậy mô hình này sẽ là một căn cứ thực tiễn đóng góp thêm trong việc đưa ra những đánh giá về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, từ những hiểu biết đó nhằm đưa ra những giải pháp thích hợp.

Trong các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định tham gia NCKH của sinh viên trường đại học Thương mại, yếu tố “động cơ” có tác động mạnh nhất. Điều này cũng phù

hợp với lý thuyết hành vi cho rằng yếu tố bên trong luôn có vai trò lớn tới quyết định thực tiễn. Qua đó cũng cho thấy, để có thể thúc đẩy hơn nữa hoạt động này, cần truyền tải tốt hơn nữa ý nghĩa tích của NCKH, từ đó tạo lên động cơ đúng đắn cho sự lựa chọn này.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy yếu tố “giảng viên” cũng đóng vai trò lớn trong quyết định của sinh viên. Hoạt động giảng dạy, truyền đạt cũng

như nội dung bài giảng của giảng viên có tác động trực tiếp tới lựa chọn của sinh viên và thực tế cũng chỉ ra sinh viên thường đưa ra lựa chọn đề tài nghiên cứu gắn với những học phần mà giảng viên tạo được sự hứng thú và quan tâm trong quá trình học tập.

Một yếu tố khác cũng thể hiện được vai trò ảnh hưởng tới quyết định của sinh viên là “lợi ích” từ hoạt động nghiên cứu. Ngoài giá trị về kiến thức, kỹ năng, mở rộng mối quan hệ trong học tập thì những khuyến khích lợi ích của Trường Đại học Thương mại (như cộng điểm khóa luận, xác nhận kết quả nghiên cứu, tuyên dương nghiên cứu có kết

quả tốt...) đã mang lại những hiệu quả tích cực đối với phong trào NCKH của sinh viên trong những năm gần đây.

Kết quả của nghiên cứu được rút ra từ việc kiểm chứng các nghiên cứu trước đó, cũng như điểm kiểm chứng bởi số liệu khảo sát từ 229 sinh viên của Trường Đại học Thương mại đã chỉ ra được các yếu tố tác động tới quyết định tham gia hoạt động NCKH, cũng như đánh giá được vai trò của chúng. Căn cứ vào kết quả của nghiên cứu, các nhà quản lý có thêm cơ sở để đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động này trong thời gian sắp tới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chu, T. T., Mai, T. T. H., & Nguyễn, N. T. (2022). Mức độ tham gia và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 5(02), 84-95.
2. Đại, T. B., Tâm, N. H. P., Pol, N. V., Hiệp, B. T., Bầy, V. V., Trung, V. Q., & Thuận, N. K. (2023). Thái độ và rào cản đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên y đa khoa tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 531(1).
3. Huyền, N. T., & Phương, T. T. M. (2023). Biện pháp phát huy các yếu tố tạo động lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên. *TNU Journal of Science and Technology*, 228(16), 207-215.
4. Nhi, N. T. Y., Anh, L. N., My, H. T. T., Thơ, P. T. H., & Hân, L. G. (2023). Kiến thức, thái độ và thực hành về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*(69), 184-192.
5. Sơn, H. Đ., & Mai, N. T. N. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên - Nghiên cứu trường hợp Đại học Tài chính-Marketing. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*(49), 13-24.
6. Thi Thanh Bình, V., & Huong, H. T. (2021). Vai trò của giảng viên hướng dẫn trong thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên ngành kế toán - kiểm toán: Nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội Hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán VCAA 2021, Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.
7. Vo, V. H., & Le, H. V. T. (2021). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, 16(2), 170-192. doi:10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.16.2.578.2021
8. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
9. Azad, A. N., & Seyyed, F. J. (2007). Factors influencing faculty research productivity: Evidence from AACSB accredited schools in the GCC countries. *Journal of International Business Research*, 6(1), 91.
10. Chen, Y., Gupta, A., & Hoshower, L. (2006). Factors that motivate business faculty to conduct research: An expectancy theory analysis. *Journal of education for business*, 81(4), 179-189.

11. Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Belief, Attitude, Intention, and Behavior: An Introduction to Theory and Research*. Addison-Wesley Publishing Company.
12. Jacob, B. A., & Lefgren, L. (2011). The impact of research grant funding on scientific productivity. *Journal of public economics*, 95(9-10), 1168-1177.
13. Lertputtarak, S. (2008). An investigation of factors related to research productivity in a public university in Thailand: A case study Victoria University].
14. Vansteenkiste, M., Simons, J., Lens, W., Soenens, B., & Matos, L. (2005). Examining the motivational impact of intrinsic versus extrinsic goal framing and autonomy-supportive versus internally controlling communication style on early adolescents' academic achievement. *Child development*, 76(2), 483-501.

Ngày nhận bài: 13/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/3/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2024

Thông tin tác giả:

ThS. VŨ TRỌNG NGHĨA

Trường Đại học Thương mại

FACTORS IMPACTING THE DECISIONS OF STUDENTS TO CONDUCT SCIENTIFIC RESEARCH: A CASE STUDY OF THUONGMAI UNIVERSITY'S STUDENTS

● Master. **VU TRONG NGHIA**
Thuongmai University

ABSTRACT:

This study evaluated the main factors impacting the decisions of students to conduct scientific research. This study summarized the theoretical basis and practical research on the decisions of students to do scientific research. The study also conducted specific research on Thuongmai University's students. The results showed that there are five factors influencing the decisions of students to do scientific research, including: student capacity, motivation, role of lecturers, environmental impact, and benefits from doing scientific research. This study's results are the basis for evaluating the current situation, and proposing solutions to encourage students to conduct scientific research effectively.

Keywords: scientific research, decision making, students, Thuongmai University.